

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 68/2024/HS-PT
Ngày: 05-8-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên; ông Phạm Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 và ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Trần Trọng D có kháng cáo của bị cáo Trần T và người bị hại Nguyễn Trí S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Họ và tên: Trần T, sinh năm 1977, tại Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1935; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1972; Con: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần T: Ông Võ Đức T1 - Luật sư của Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Trí S, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: số G lô B, phường B, Quận B, TP .. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Trí S: Ông Lê Phi V - Luật sư của Công ty L2 - Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Trí S có hộ khẩu thường trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đến thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận mua đất sát bên nhà Trần Trọng xây nhà ở. Trong thời gian sống cạnh nhau hai bên qua lại rất thân thiết, tuy nhiên sau đó lại phát sinh mâu thuẫn từ việc ông S ngăn mương nước bao quanh đất nhà ông S không cho nước chảy đến khu đất nhà T cùng một số hộ phía sau. Đồng thời hai bên tranh chấp đất vì cho rằng có chồng lấn ranh đất. Khoảng 08 giờ ngày 05/5/2023, sau khi lời qua tiếng lại, cãi vã nhau, bị cáo T dùng khúc cây gỗ đánh ông S, hậu quả ông S bị thương tích gãy xương sườn V, VI bên trái; gãy kín nền đốt ngón II tay trái.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Trí S khai: Khoảng 08 giờ ngày 05/5/2023, khi ông S đang làm vườn trước nhà thì nhìn thấy ông T cũng ra làm vườn và có cầm theo một cây rựa, giữa T và ông S lời qua tiếng lại trong việc tranh chấp đường mương nước. Sau đó, T cầm cây rựa cùng với khoảng 07 đến 08 người la hét ồn ào đuổi đánh ông S, ông S chạy vào nhà đóng cửa lại thì T đuổi theo đập bể cửa kính, vào nhà dùng cán rựa đánh vào tay trái ông S làm ông S bị thương, ông S lấy cây kiếm dưới gầm giường ra hù dọa để tự vệ nhưng không chém ai và bỏ chạy ra ngoài thì bị T và một số người trên đuổi theo ra ngã ba đường rồi dùng gậy đánh vào người ông S làm gãy xương sườn và một số vết thương phần mềm trên cơ thể. Sau đó, ông S đến Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã L nhập viện điều trị và gửi đơn tố cáo ông T và các đối tượng nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần T khai: khoảng 08 giờ ngày 05/5/2023, T đi tay không qua nhà ông S nói chuyện, hai bên lời qua tiếng lại, lúc này ông S lấy một cây kiếm giấu sẵn trong bụi chém rách áo T nhưng không bị thương tích gì (chiếc áo rách T đã vứt bỏ), T liền lấy một cây gỗ chống kiềng gần đó dài khoảng 01 mét, đường kính khoảng 03cm, đánh một cái vào mu bàn tay ông S (không nhớ tay nào) làm ông S bị thương chảy máu, ngay sau đó có nhiều người đang câu cá gần đó chạy lại, T không biết những người đó là ai, theo T có lẽ do thấy ồn ào nên họ chạy lại, lúc này ông S bỏ chạy ra ngoài ngã ba đường thì nhóm người này cũng chạy theo ra, T cùng đi ra ngã ba đường nhưng không có tham gia cùng nhóm người này đánh ông S và cũng không biết những người trên có đánh ông S hay không. T khẳng định khi đang ở trong sân nhà ông S, T dùng khúc cây gỗ chỉ đánh trúng ông S một cái vào mu bàn tay làm ông S bị thương, ngoài ra T không có đập bể cửa kính phòng ngủ nhà ông S.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 14/QIII/CN ngày 17/5/2023 của Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi tỉnh B xác định tình trạng thương tích lúc vào viện của Nguyễn Trí S như sau:

Sưng đau ngón II bàn tay (T); đau tức ngực bên (T); XQ: gãy kín xương sườn 5, 6 bên (T); gãy kín nền đốt bàn ngón II tay (T);

Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 359 ngày 02/6/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của Nguyễn Trí S như sau:

- Chấn thương ngực trái gây cung sườn V, VI bên trái đã được điều trị hiện ổn định, tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 2% + 2%;

- Chấn thương mặt mu bàn tay trái, gãy xương bàn II bàn tay trái đã được phẫu thuật điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (3 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6%+1%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Trí S là 11%. Các vết thương do vật tày gây ra; chấn thương ngực trái có chiều hướng lực tác động từ trước ra sau; chấn thương mặt mu bàn tay trái có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

Sau khi được thông báo về kết luận thương tích, ông S khai báo ngoài các vết thương trên ông S còn bị 02 vết thương khác ở vùng lưng và vùng cánh tay trái chưa được ghi nhận trong giấy chứng nhận thương tích của Bệnh viện đa khoa khu vực L, cũng như không thể hiện trong kết luận giám định của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B. Vì vậy ngày 13/6/2023, Cơ quan điều tra Công an thị xã L đã có Công văn số 140 đề nghị Bệnh viện Đ kiểm tra, xác định lại thương tích của ông Nguyễn Trí S tại thời điểm nhập viện.

Tại Công văn số 503 ngày 20/6/2023, Bệnh viện Đ trả lời, căn cứ hồ sơ lưu trữ số 000232 ngày 08/5/2023 xác nhận thương tích của ông Nguyễn Trí S lúc vào viện: sưng đau đầu ngón II bàn tay (T); đau tức ngực bên (T), dấu bầm tím 1/3 giữa ngoài cánh tay (T), kích thước 04 x 05cm, dấu lằn đỏ sau vai (T), kích thước 15 x 1,5cm, vết xước trên nền bầm tím sau vai (T), kích thước 10 x 0,5cm; XQ gãy kín xương sườn 5, 6 bên (T); gãy kín nền đốt bàn ngón II tay (T).

Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể số 420 ngày 06/7/2023 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh B kết luận:

- Đa vết sưng nề bầm tím 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay trái, vai trái; vết xước da vai trái hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Căn cứ Thông tư số 22 ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Trí S tại thời điểm giám định bổ sung và tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 359 ngày 02/6/2023 của trung tâm pháp y tỉnh B là: 2% + 2% + 6% + 1% = 10,63%. Làm tròn số là 11%.

Do có sự ghi nhận các vết thương của ông Nguyễn Trí S khác nhau giữa Giấy chứng nhận thương tích số 14/QIII/CN ngày 17/5/2023 của Bệnh viện Đ với bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 359 ngày 02/6/2023 của trung tâm pháp y tỉnh B nên ngày 13/7/2023, Cơ Quan điều tra Công an thị xã L có Công văn số 172 đề nghị Bệnh viện Đ kiểm tra, xác định lại thương tích của ông Nguyễn Trí S tại thời điểm nhập viện. Ngày 24/8/2023, Bệnh viện Đ có Công văn số 757 ngày 24/8/2023 trả lời với nội dung sau: tại thời điểm bệnh nhân mới nhập viện, chỉ ghi nhận gãy xương sườn 5, 6 bên trái.

Như vậy, đối với tất cả các vết thương trên cơ thể ông Nguyễn Trí S, qua giám định xác định tổng tỷ lệ thương tích là: 10,63% (làm tròn số là 11%), vết thương được xác định do vật tày gây ra.

Vật chứng vụ án gồm: 01 cây kiếm bằng kim loại dài 90cm (ông S trình bày cây kiếm này là đạo cụ dùng hành nghề đạo diễn); 01 khúc gỗ dài 160cm cạnh vuông, kích thước 03 x 05cm (S khai nhóm T dùng khúc gỗ này đánh S); 01 cây gỗ dài 01 mét (T khai cây này dùng đánh S), tất cả được Cơ Quan Điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi quản lý theo quy định.

Về dân sự: Quá trình điều tra bị hại ông Nguyễn Trí S yêu cầu bị cáo Trần T bồi thường chi phí điều trị và các khoản chi phí khác với tổng số tiền 326.060.000 đồng. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 7.000.000 đồng nhưng ông S không đồng ý, không nhận, số tiền này hiện Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi quản lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi quyết định:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 106, Điều 135, 136, 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng phạm t: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần T 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

2. Buộc bị cáo Trần T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Trí S với tổng số tiền 50.839.000 đồng (năm mươi triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại với tổng số tiền 272.161.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/4/2024, bị hại Nguyễn Trí S kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy án sơ thẩm; ngày 23/4/2024, bị cáo Trần T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại Nguyễn Trí S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày thêm: Nếu có đủ căn cứ thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm; nếu không đủ căn cứ hủy án thì đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần T từ khoản 1 Điều 134 lên khoản 2 Điều 134 BLHS và tuyên phạt mức án nặng hơn; về dân sự thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ số tiền bồi thường mà bị hại đã yêu cầu;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại;

Bị cáo Trần Trọng giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi dưỡng mẹ già; bản thân đang mắc nhiều bệnh phải điều trị; về dân sự thì đề nghị xem xét giảm mức bồi thường thiệt hại so với mức bồi thường mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo; về dân sự thì đề nghị xem xét giảm mức bồi thường từ 50.839.000 đồng xuống còn 21.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Trí S là 10,63%, làm tròn 11% mà Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Trần T theo khoản 1 Điều 134 BLHS là không đúng. Với tỷ lệ thương tích như trên, phải truy tố, xét xử bị cáo T theo khoản 2 Điều 134 BLHS mới đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người chăm sóc, nuôi bị hại trong thời gian bị hại điều trị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 7.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại, cũng như việc bị hại không có đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho bị hại được miễn nộp án phí sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường

không được chấp nhận là không đúng; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại được làm trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn tranh chấp đất đai và việc bị hại S ngăn mương nước không cho nước chảy đến khu đất nhà bị cáo T và một số hộ phía sau; khoảng 08 giờ ngày 05/5/2023, tại thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, sau khi lời qua tiếng lại, bị cáo T đã dùng khúc cây gỗ dài khoảng 01 mét, đường kính 03cm (là hung khí nguy hiểm) đánh bị hại Nguyễn Trí S gây chấn thương mu bàn tay trái, gãy xương bàn II bàn tay trái (đã được phẫu thuật điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước 3 x 0,2cm).

Ngoài ra, quá trình điều tra, tuy bị cáo T không thừa nhận cùng nhóm người khác đánh bị hại S gây ra một số thương tích khác (chấn thương ngực trái gây cung sườn V, VI bên trái) trên cơ thể bị hại S. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị hại và một số nhân chứng gồm ông Phan Văn T2, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 thì có đủ căn cứ xác định: Ngoài vết thương ở tay trái của bị hại S do bị cáo T gây ra thì bị cáo T đã cùng một số người khác (không xác định được lai lịch) dùng cây đánh bị hại S dẫn đến chấn thương ngực trái gây cung sườn V, VI bên trái. Như vậy có căn cứ xác định bị cáo Trần T đã cùng một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) dùng cây gỗ (hung khí nguy hiểm) đánh bị hại Nguyễn Trí S gây thương tích theo Kết luận giám định số 359 ngày 02/6/2023 và Kết luận giám định bổ sung số 420 ngày 06/7/2023 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10,63% (làm tròn thành 11%). Do đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ thương tích của bị hại S theo Kết luận giám định nêu trên. Với kết quả điều tra đó, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo T về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là không chính xác, đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS là không đúng quy định, mà cần phải truy tố, xét xử bị cáo T theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS mới đúng. Do đó nội dung kháng cáo này của bị hại là có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét sửa án sơ thẩm theo

hướng áp dụng Điều khoản tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T từ khoản 1 Điều 134 BLHS lên khoản 2 Điều 134 BLHS. Đồng thời sẽ căn nhắc mức hình phạt tương xứng với nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo không truy tố, xét xử bị cáo T về tội hủy hoại tài sản và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, ngoài lời khai của bị hại Nguyễn Trí S về việc xác định bị cáo Trần T là người đập bể cửa kính nhà bị hại và ngoài bị cáo T thì còn có một số đối tượng khác cùng tham gia đánh bị hại S dẫn đến thương tích 11% thì không có ai khác cùng khai giống lời khai của bị hại và không có ai biết được nhân thân của các đối tượng này. Theo lời khai của bị hại thì tại khu vực xảy ra vụ án không có camera giám sát, rất ít hộ dân sinh sống, kể cả bị hại cũng không biết được nhân thân, lai lịch của các đối tượng cùng tham gia đánh bị hại. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không xác định được ai đã đập phá cửa kính nhà bị hại và những ai đã cùng tham gia gây thương tích cho bị hại Nguyễn Trí S. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh là phù hợp. Như vậy, kháng cáo của bị hại về việc không truy tố, xét xử bị cáo T về tội hủy hoại tài sản và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là không có cơ sở để chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền 323.000.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Chi phí điều trị 60.000.000 đồng. Trong đó 10.000.000 đồng có hóa đơn chứng từ, còn lại là điều trị ngoài không có hóa đơn;
- Thu nhập bị mất 165.000.000 đồng, gồm: tiền lương 8.000.000 đồng/tháng x 6 tháng; tiền hai hợp đồng kinh tế 52.000.000 đồng và 65.000.000 đồng;
- Tiền công chăm sóc nuôi bệnh 8.000.000 đồng;
- Tổn thất tinh thần 90.000.000 đồng;
- Bồi thường danh dự 50.000.000 đồng;

Xét thấy, với các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại nêu trên của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận mức bồi thường là 50.839.000 đồng (năm mươi triệu tám trăm ba chín ngàn đồng), gồm các khoản sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa: chấp nhận 26.522.000 đồng. Trong đó chi phí điều trị có hóa đơn chứng từ: 9.784.000 đồng và khoản điều trị không có hóa đơn 16.738.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất: chấp nhận số tiền 14.188.000 đồng (lương chính 4.729.400 đồng/tháng x 03 tháng);

- Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: chấp nhận số tiền 4.729.400 đồng (mức lương chính 4.729.400 đồng/tháng x 01 tháng).

- Tồn thất tinh thần: chấp nhận tổn thất tinh thần trong thời gian 03 tháng với số tiền 5.400.000 đồng (1.800.000 đồng lương cơ sở x 3 tháng).

- Về bồi thường danh dự: ngoài lời trình bày, bị hại không chứng minh được có thiệt hại thực tế xảy ra nên không chấp nhận.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ một cách toàn diện, khách quan. Đồng thời buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại số tiền 50.839.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

Xét thấy tuy bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng và Tòa án cấp phúc thẩm phải sửa án theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T. Đồng thời, xét thấy việc kháng cáo xin giảm mức bồi thường thiệt hại của bị cáo Trần T là không có căn cứ để chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Trí S về nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Trọng .

Về án phí sơ thẩm: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải chịu án phí dân sự đối với số tiền 7.000.000 đồng mà bị cáo T đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi để bồi thường cho bị hại là không đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa lại phần án phí cho đúng. Riêng việc miễn án phí sơ thẩm cho bị hại: Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm, tuy bị hại không có đơn xin miễn nộp án phí nhưng đã có ý kiến bằng lời nói xin được miễn nộp án phí nếu các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe không được Tòa án chấp nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm miễn nộp án phí cho bị hại là phù hợp.

Xét thấy ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Bình Thuận về xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T phải được truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 134 BLHS và cho rằng cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải chịu án phí dân sự đối với số tiền 7.000.000 đồng đã nộp là không đúng quy định pháp luật là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh cho rằng cấp sơ thẩm không đưa người chăm sóc, nuôi bị hại trong thời gian điều trị vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm cho bị hại miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, đồng thời đề nghị hủy án sơ thẩm là không phù hợp và không cần thiết nên không được chấp nhận.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo và bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần T; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Trí S; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

1/ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 106, Điều 135, 136, 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2/ Tuyên bố bị cáo Trần Trọng phạm t: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Trọng 0 (một) năm, 03 (ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

3/ Buộc bị cáo Trần T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Trí S với tổng số tiền 50.839.000 đồng (Năm mươi triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Nguyễn Trí S với tổng số tiền 272.161.000 đồng (Hai trăm bảy hai triệu, một trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

5/ Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy đoạn cây gỗ dài 01 mét;

- Trả lại cho bị hại ông Nguyễn Trí S cây kiếm bằng kim loại dài 90cm và 01 khúc gỗ dài 160cm cạnh vuông, kích thước 03 x 05cm;

- Đối với số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo Trần Trọng n cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng nêu trên được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi).

6/ Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.192.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo T phải nộp 2.392.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Bị hại ông Nguyễn Trí S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần T và bị hại Nguyễn Trí S không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

8/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- VKSND;TAND TX. La Gi;
- Công an huyện; Chi cục THADS TX. La Gi;
- UBND xã Tân Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Tổ HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu